

Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THUYẾT MINH

DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VỀ GIỚI HẠN CÁC CHẤT Ô NHIỄM HỮU CƠ KHÓ PHÂN HỦY TRONG NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ THIẾT BỊ

1. Sự cần thiết ban hành Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa

Theo quy định của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (gọi tắt là POP), việc quản lý an toàn các chất POP được thực hiện theo quản lý vòng đời trong các công đoạn từ nhập khẩu, sản xuất, sử dụng, vận chuyển, thải bỏ, xử lý. Hiện Công ước Stockholm cũng yêu cầu thực hiện quản lý chặt chẽ các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất POP.

Để đáp ứng các quy định của Công ước Stockholm, hiện nay, trong hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có một số quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được xây dựng, trong đó quy định một số thông số như PCB, Dioxin/Furan, Chlordane, Dieldrin (là các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy - gọi tắt là các chất POP)... trong các thành phần môi trường như nước thải, khí thải hay trong lò đốt chất thải... Cụ thể:

(1) QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (trong đó quy định ngưỡng của một số thành phần nguy hại hữu cơ như: PCB là 5 ppm; Aldrin là 10 ppm; Chlordane là 0,6 ppm; Dieldrin là 0,4 ppm; Endrin là 0,4 ppm; Mirex là 14 ppm; Toxaphene là 6 ppm...);

(2) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trong đó quy định thông số ô nhiễm PCB trong nước thải công nghiệp loại A là 0,003 mg/l và loại B là 0,01 mg/l);

(3) QCVN 41:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng (trong đó quy định nồng độ tối đa cho phép của Tổng Dioxin/Furan trong khí thải đồng xử lý chất thải nguy hại là 0,6 ng-TEQ/Nm³, còn giới hạn nồng độ PCB trong chất thải nguy hại trước khi nạp

vào đồng xử lý xi măng là ≤ 500 ppm);

(4) QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (trong đó quy định giá trị tối đa cho phép của *Tổng Dioxin/Furan* trong khí thải lò đốt chất thải rắn y tế là 2,3 ngTEQ/Nm³);

(5) QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (trong đó quy định giá trị tối đa cho phép của *Tổng Dioxin/Furan* trong khí thải lò đốt chất thải công nghiệp là 1,2 ngTEQ/Nm³ (đối với lò đốt có công suất dưới 300kg/h) và 0,6 ngTEQ/Nm³ (đối với lò đốt có công suất từ 300kg/h trở lên);

(6) QCVN 43:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (trong đó quy định giới hạn của các thông số trong trầm tích nước ngọt và nước mặn, nước lợ tương ứng như: *Chlordane* là 8,9 mg/kg và 4,8 mg/kg; *DDT* là 4,8 μ g/kg và 4,8 μ g/kg; *Dieldrin* là 6,7 μ g/kg và 4,3 μ g/kg; *Endrin* là 62,4 μ g/kg và 62,4 μ g/kg; *Lindan* là 1,4 μ g/kg và 1,0 μ g/kg; *PCB* là 277 μ g/kg và 189 μ g/kg; *Dioxin/Furan* là 21,5 ng/kg TEQ và 21,5 ng/kg TEQ);

(7) QCVN 45:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của Dioxin trong một số loại đất (ví dụ, hàm lượng tối đa cho phép của *Dioxin* trong đất ở thành thị là 300 ng/kg TEQ, đất ở nông thôn là 120 ng/kg TEQ);

(8) QCVN 51:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (trong đó quy định ngưỡng nồng độ phát thải tối đa cho phép của *Dioxin/Furan* đối với các lò thép cũ là 0,6 ng/Nm³, đối với các lò đốt mới là 0,1 ng/Nm³);

(9) QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải (trong đó quy định quy trình tái chế dầu thải đảm bảo thu được dầu tái chế có thành phần nguy hại với giá trị cho phép như: *Tổng PCB* là ≤ 5 ppm; *Pentachlorobenzene* là ≤ 60 ppm).

Tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (đặc biệt là các chất POP mới) trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị.

Theo quy định của Khoản 5 Điều 97 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị. Để đảm bảo tính hiệu quả trong quản lý các chất POP cũng như thực hiện cam kết với Công ước Stockholm, trước mắt Việt Nam

sẽ thực hiện xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn các chất POP trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chung trong các ngành, lĩnh vực sử dụng các chất POP và tiếp theo đó sẽ xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể, như lĩnh vực dệt may, nhựa, bột chống cháy, vật liệu xây dựng,...

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn các chất POP trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị sẽ tập trung vào các chất POP mới và được đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm. Đối với các chất POP mà Việt Nam đã cấm sử dụng (như các loại thuốc bảo vệ thực vật dạng POP (Aldrin, Chlordane, Dieldrin, Endrin,...)) sẽ không được quy định trong Quy chuẩn này.

2. Căn cứ xây dựng dự thảo QCVN

2.1. Căn cứ pháp lý

Hiện nay, Việt Nam là một trong các quốc gia thành viên tham gia Công ước Stockholm về các chất POP. Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện Công ước nhằm quản lý, kiểm soát và giảm thiểu tác động trong việc nhập khẩu, sản xuất, sử dụng các chất POP đối với môi trường và sức khỏe con người. Luật BVMT năm 2020 lần đầu tiên đã nội luật hóa các quy định, các yêu cầu của Công ước trong việc quản lý an toàn và kiểm soát nghiêm ngặt các chất POP tại Điều 69 về Bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

Để thực hiện việc quản lý và kiểm soát chặt chẽ các chất ô nhiễm khó phân hủy, đặc biệt là các chất POP mới bảo đảm mục tiêu bảo vệ sức khỏe con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Luật BVMT năm 2020 quy định việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị (tại khoản 5 Điều 97, khoản 3 Điều 98).

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ký Quyết định số 1779/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường giai đoạn 2020 - 2022, trong đó sẽ nghiên cứu, xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa,

thiết bị và dự kiến ban hành trong năm 2022 (sau đây gọi là dự thảo QCVN).

2.2. Các tài liệu cơ sở cho việc biên soạn các yêu cầu kỹ thuật và các phương pháp thử trong dự thảo QCVN

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Kế hoạch xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường giai đoạn 2020 - 2022, Nhóm soạn thảo/Tổ biên tập đã rà soát các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và lựa chọn, tham khảo các tài liệu quốc tế liên quan để xây dựng dự thảo QCVN, cụ thể:

- Công ước Stockholm:
 - + Công ước Stockholm về các chất POP: Quy định nồng độ POP ở mức thấp (Low POP content) đối với các chất POP.
 - + Công ước Stockholm về các chất POP: Quy định giới hạn một số chất trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị như PCB, DBDE...
- Các quy định của Hội đồng Châu Âu:
 - + Quy định một số ngưỡng của một số chất (PBB, PBDE, HBCD, PFOS, SCCP, chất chống cháy,...) trong sản phẩm điện và điện tử, dệt may, EPS/XPS (dùng trong xây dựng)...;
 - + Quy định giới hạn của một số chất (DBDE, PFOA, PBB...) trong sản phẩm, hàng hóa (Quy định số 1907/2006);
 - + Quy định ngưỡng các hóa chất độc hại/POP (Lindane, Aldrin, Dieldrin, Alpha hexachlorocyclohexane, Beta hexachlorocyclohexane...) trong sản phẩm dệt may (Quyết định của Ủy ban châu Âu ngày 05/06/2014);
 - + Quy định ngưỡng các chất POP (PBDE, HBDE, PFOS, PCB...) trong sản phẩm, hàng hóa (Quy định số 2019/1021).
- Quy định của Đức về HBCD, SCCP, PFOS, PBDE trong sản phẩm, hàng hóa.
- Quy định của Thụy Điển về PFAS (PFOS, PFOA).
- Quy định của các nước (Đức, Mỹ, Canada...) về các chất POP của các nước (báo cáo của OECD): PFOA, PFOS,...
- Quy định của Nhật Bản trong quản lý an toàn DBDE, SCCP trong sản phẩm, hàng hóa.
- Quy chuẩn về các chất POP trong ngành dệt may và ngành da

(STANDARD_100_by_OEKO-TEX). Đối với các sản phẩm dệt may được chứng nhận từ Hiệp hội quốc tế OEKO_TEX thì các sản phẩm này không có chất ô nhiễm độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường.

- Căn cứ quy định của EU đối với các chất ô nhiễm khó phân hủy: Polybrominated biphenyls (PBB), Bis- Phenol A (BPA), một số kim loại nặng (Cd, Cr...).

3. Tóm tắt nội dung của dự thảo QCVN

Các nội dung chính của dự thảo QCVN cụ thể như sau:

Về số lượng các chất POP, dự thảo Quy chuẩn quy định ngưỡng giới hạn cho các chất POP trên cơ sở quy định về Danh mục các chất POP được đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm (tại Phụ lục.... Nghị định số/2021/NĐ-CP ngàythángnăm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT và các quy định hiện hành.

3.1. Mục 1 về Quy định chung

*** Mục 1.1 về phạm vi áp dụng**

Phạm vi áp dụng của dự thảo QCVN cụ thể như sau:

1.1.1. Quy chuẩn này quy định giới hạn tối đa cho phép đối với các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị.

1.1.2. Quy chuẩn này áp dụng để giám sát, đánh giá chất lượng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

1.1.3. Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trên lãnh thổ Việt Nam; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy; các tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

1.1.4. Quy chuẩn này không áp dụng đối với hoạt động xuất khẩu nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

*** Mục 1.2 về giải thích từ ngữ**

Nhằm giải thích các từ ngữ có liên quan, cụ thể:

1.2.1. Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là chất POP - Persistent Organic Pollutants) là các chất có độc tính cao, khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học và lan truyền trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người, được quy định trong Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

1.2.2. Các chất POP quy định trong quy chuẩn này bao gồm: Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE); Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (POP-BDE); Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF); Hexabromocyclododecane (HBCDD); Decabromodiphenyl ether (DBDE); Các paraffin mạch ngắn chứa clo (SCCP); Perfluorooctanoic acid (PFOA), muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA.

1.2.3. Số CAS (Chemical Abstracts Service) là sự xác định bằng chuỗi số định danh duy nhất cho một nguyên tố hóa học, một hóa chất, một hợp chất hóa học và được Tổ chức Chemical Abstracts Service thuộc Hiệp hội Hóa chất của Hoa Kỳ đăng ký.

1.2.4. Giới hạn tối đa cho phép được tính bằng số miligram (mg) có trong 1 kilogram (kg) - mg/kg (hoặc là tỷ lệ phần trăm (%) trên trọng lượng).

1.2.5. Công thức hóa học được dùng là công thức “Tổng” của hóa chất, tương ứng với 1 giá trị của “Khối lượng phân tử” của hóa chất đó.

3.2. Mục 2 về Quy định kỹ thuật

a) Giới hạn tối đa cho phép của các chất POP trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được quy định tại Bảng 1.

TT	Các chất POP	Số CAS	Lĩnh vực sử dụng/Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất POP	Giới hạn tối đa cho phép (mg/kg hoặc % trọng lượng)
1	Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (POP-BDE) (*)		Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp: 1. Chi tiết nhựa/chất dẻo trong thiết bị điện, điện tử; 2. Da, lớp chất dẻo và các linh kiện điện tử được sử dụng trong phương tiện giao thông; 3. Khuôn và bản xốp cho các bộ phận ô tô, ghế ngồi và bảng điều khiển; 4. Lớp bọc đệm, lớp phủ của đồ nội thất, các hộp phân tạo bột trong chất dẻo; 5. Vật liệu lót đệm, đệm, quần áo bảo hộ, thảm, rèm cửa, vải bọc, lều; 6. Vật liệu xây dựng: Bộ lọc bột, các tấm cách điện, tấm chống bột, tấm lót chất dẻo, nhựa, xốp cách nhiệt cho đường ống, xốp cứng; 7. Bột polyurethane trong các vật liệu đóng gói bao bì.	
	<i>Tetrabromodiphenyl ether (C₁₂H₆Br₄O)</i>	40088-47-9		10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng)
	<i>Pentabromodiphenyl ether (C₁₂H₅Br₅O)</i>	32534-81-9		10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng)
2	Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE) (*)		Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp: 1. Chất làm chậm quá trình cháy; 2. Chi tiết nhựa/chất dẻo trong thiết bị điện và điện tử; 3. Phương tiện giao thông (chi tiết bằng nhựa, chất dẻo trong phương tiện giao thông); 4. Vật liệu sản xuất polymer, đặc biệt là ABS (Acrylonitrin Butadien Styren).	
	<i>Hexabromodiphenyl ether (C₁₂H₄Br₆O)</i>	36483-60-0 và 446255-03-4		10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng)
	<i>Heptabromodiphenyl ether (C₁₂H₃Br₇O)</i>	68928-80-3 và 446255-20-5		10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng)

3	Decabromodiphenyl ether (DBDE) (*)	1163-19-5	<p>Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phụ gia chống cháy: nhựa, polyme, vật liệu tổng hợp, hàng dệt may, chất kết dính, chất phủ; 2. Vật liệu dẻo trong vỏ máy tính, ti vi, dây và cáp, đường ống; 3. Phụ gia trong nhựa gia dụng, thiết bị điện (vỏ của máy tính ti vi, dây và cáp điện, đường ống và thảm) và thiết bị gia dụng (sưởi ấm, bàn là, quạt, lò xo đun nước nóng); 4. Bột Polyurethane cách nhiệt trong xây dựng; 5. Các bộ phận của phương tiện giao thông (vật liệu cách nhiệt, hệ thống dây điện, vải bọc). 	10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng)
4	Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF) (C ₈ F ₁₇ SO ₂ X)	<p>1763-23-1; 2795-39-3; 29457-72-5; 29081-56-9; 70225-14-8; 56773-42-3; 251099-16-8; 4151-50-2; 31506-32-8; 1691-99-2; 24448-09-7; 307-35-7 và các số khác</p>	<p>Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, y tế:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuốc diệt côn trùng nhằm kiểm soát mối và kiến lửa đỏ; 2. Bà côn trùng nhằm kiểm soát kiến xén lá từ <i>Atta spp.</i> và <i>Acromyrmex spp.</i>; 3. Phụ gia có chứa PFOS; 4. Bột chữa cháy; 5. Dầu thủy lực hàng không; 6. Xi mạ; 7. Sản xuất giấy trắng; 8. Dệt may; 9. Sản xuất da và thảm; 10. Cao su và nhựa; 11. Sản xuất sơn; 12. Sản xuất mực in; 13. Sản xuất đồ gia dụng; điện tử; bán dẫn; nhiếp ảnh. 14. Bao bì/giấy gói thực phẩm. 	<p>- PFOS: 10 mg/kg (hoặc 0,001% trọng lượng); - PFOS trong bán thành phẩm, nguyên liệu, vật liệu, các bộ phận: 0,1% trọng lượng; - Sản phẩm dệt may hoặc các vật liệu phủ: <1 µg/m²</p>
5	Hexabromocyclododecane (HBCDD)	<p>25637-99-4; 3194-55-6; 134237-50-6; 134237-51-7; 134237-52-8</p>	<p>Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bột/vật liệu cách nhiệt (polystyrene - EPS và XPS)/tấm cách nhiệt trong xây dựng/tòa nhà; 2. Nhựa/chất dẻo trong thiết bị điện và điện tử. 	100 mg/kg (hoặc 0,01% trọng lượng)

6	Các paraffin mạch ngắn chứa clo (SCCP)	85535-84-8; 68920-70-7; 71011-12-6; 85536-22-7; 85681-73-8; 108171-26-2 và các số khác	Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp: 1. Phụ gia trong sản xuất cao su, mực, sơn, keo dính và chất phủ bề mặt; 2. Hoạt chất làm đẹp bề mặt da (đối với thuốc da); 3. Phụ gia trong sản xuất dầu bôi trơn hoặc nhũ cắt gọt trong gia công kim loại; 4. Thành phần trong sơn chống cháy và sơn chống thấm; 5. Sản xuất các loại ống cho bóng đèn trang trí ngoài trời; 6. Chất làm dẻo thứ cấp trong polyvinyl chloride, ngoại trừ trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em.	- SCCP: ≤1% trọng lượng; - SCCP trong nguyên liệu, vật liệu: 0,15% trọng lượng
7	Perfluorooctanoic acid (PFOA), muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA	335-67-1	Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp: 1. Bột chữa cháy; 2. Chất chống cháy, chống dầu, mỡ, chống ố và chống nước trong sản phẩm dệt may, nhiếp ảnh, sản xuất dây cáp điện cao thế; 3. Bao bì/giấy gói thực phẩm; 4. Dệt may, nhiếp ảnh, sản xuất dây cáp điện cao thế; 5. Sản xuất polytetrafluoroetylen (PTFE) và polyvinylidene fluoride (PVDF); 6. Sản xuất polyfluoroetylen propylene (FEP) để sản xuất dây và cáp điện cao thế để truyền tải điện; 7. Sản xuất fluoroelastomers để sản xuất vòng chữ O, đai và phụ kiện nhựa cho nội thất ô tô; 9. Sản xuất dược phẩm.	- PFOA: 1 mg/kg (hoặc 0,0001% trọng lượng); - PFOA là 1 hóa chất/phụ gia (được sử dụng trong chu trình khép kín để sản xuất Flo có chuỗi cacbon bằng hoặc ngắn hơn 6 nguyên tử): 20 mg/kg (hoặc 0,002% trọng lượng)

(*): Tổng hàm lượng của Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE); Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (PBDE); Decabromodiphenyl ether (DBDE) không vượt quá ≤500 mg/kg.

Những thông số này được đưa ra dựa trên hướng dẫn của Công ước Stockholm.

Đối với quy định giá trị của chất POP: Áp dụng theo ngưỡng quy định của Công ước Stockholm và theo kinh nghiệm quốc tế (EU và một số quốc gia khác).

Qua số liệu quan trắc thực tế cho thấy (*sẽ bổ sung số liệu quan trắc các chất POP trong một số nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa*).

Thực hiện theo chỉ đạo về việc học tập kinh nghiệm quốc tế, hướng tới những quy định chặt chẽ hơn, nội dung dự thảo QCVN đề xuất ngưỡng giới hạn theo quy định của Công ước Stockholm, quy định của EU... để các đơn vị thẩm định xem xét.

3.3. Mục 3 về Phương pháp xác định

- Đã áp dụng các phương pháp lấy mẫu theo các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quốc tế khác có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn các tiêu chuẩn đã viện dẫn (cụ thể trong Bảng 2 của dự thảo QCVN).

- Đã áp dụng các phương pháp phân tích mẫu theo các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quốc tế khác có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn các tiêu chuẩn đã viện dẫn (cụ thể trong Bảng 3 của dự thảo QCVN).

3.4. Mục 4 về Quy định quản lý

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất POP phải thực hiện các thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định tại quy chuẩn này và dán nhãn, công bố thông tin trước khi đưa ra thị trường theo quy định pháp luật.

Lộ trình áp dụng quy định giới hạn tối đa cho phép đối với các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

- Việc xác định giới hạn tối đa cho phép đối với các chất POP trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị phải được thực hiện bởi các tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

3.5. Mục 5 về Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

- Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chuẩn này.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

4. Đối chiếu nội dung dự thảo QCVN với các tài liệu tham khảo

a) Quy định của Công ước Stockholm

b) Quy định của Liên minh châu Âu (EU)

- Quy định của EU 2019/1021 của Nghị viện và Hội đồng liên minh châu Âu ngày 20/6/2019 về các chất POP (sửa đổi).

- Quy định của EU 2020/784 ngày 8/4/2020 bổ sung chất PFOA tại Phụ lục I của Quy định của EU 2019/1021 của Nghị viện và Hội đồng liên minh châu Âu ngày 20/6/2019.

- Quy định của EU 2021/115 ngày 27/11/2020 điều chỉnh chất PFOA tại Phụ lục I của Quy định của EU 2019/1021 của Nghị viện và Hội đồng liên minh châu Âu ngày 20/6/2019.

- Quy định của EU 2011/65/EU (RoHS)

c) Quy định của một số nước: Thụy Điển,...

5. Hiệu quả dự kiến của việc áp dụng dự thảo QCVN

Quy chuẩn này áp dụng để giám sát, đánh giá chất lượng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa các chất ô nhiễm khó phân hủy.